TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **190**/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Quyền
Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 178/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Mai Thị L**, sinh ngày 24/02/1994 tại: huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: 2A, ngõ T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: 62/6 đường T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038194007935; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Đình T1 (đã chết) và bà Đặng Thị H1; có chồng là Ngô Trung A1 và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 06/4/2024, tạm giam ngày 12/4/2024; có mặt.

2. **Lê Đức T**, sinh ngày 05/10/1994 tại: thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: 62 Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: 02 N, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038094012992; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức C (đã chết) và bà Dương Thị L1 (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: tại bản án số 164/2019/HS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 24 tháng tù, về tội "Gây rối trật tự công cộng", chấp hành xong ngày 09/12/2020; tại bản án số 115/2022/HS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 30 tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 24/10/2023; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 73/2011/HS-ST ngày 31/5/2011 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù, về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong ngày 02/3/2014; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 284/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2015 của Công an thành phố T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe người khác";

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43/QĐ-XPVPHC ngày 24/12/2015 của Công an thành phố T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại trực tiếp đến sức khỏe người khác"; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 367/QĐ-XPVPHC ngày 04/10/2018 của Công an thành phố T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe người khác"; bị tạm giữ ngày 08/4/2024, tạm giam ngày 11/4/2024; có mặt.

3. **Lê Đức H**, sinh ngày 15/3/2002 tại: thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: 30B L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: 25/6 D, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038202023737; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức C (đã chết) và bà Đặng Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số 21/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS, chấp hành xong ngày 23/6/2022 (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 08/4/2024, tạm giam ngày 11/4/2024; có mặt.

4. **Nguyễn Bá A**, sinh ngày 21/01/2000 tại: thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và nơi ở: 90 T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038200029406; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá L2 và bà Nguyễn Thị Hải Y; chưa có vợ, con; tiền án: tại bản án số 21/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 năm 06 tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS; tại bản án số 116/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm tù, được trừ 03 tháng 26 ngày, còn phải chấp hành 20 tháng 04 ngày về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, tổng hợp hình phạt của bản án số 21/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, buộc Nguyễn Bá A chấp hành chung hai bản án là 08 năm 02 tháng 04 ngày, chấp hành xong ngày 06/02/2024; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 08/4/2024, tạm giam ngày 11/4/2024; có mặt.

5. **Lê Quốc Đ**, sinh ngày 28/11/2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 04 tháng 06 ngày) tại: thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: 11/70 H, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: 03/12 Đ, phường Đ1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038207032801; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức V (đã chết) và bà Đỗ Thị S; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 08/4/2024, tạm giam ngày 11/4/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc Đ*: Bà Lê Thu H3 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ *Người làm chứng*:

1. Anh Đỗ Quang V1, sinh năm 2004; nơi thường trú: 62 T, phường Đ2, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: 11 ngõ 46C P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1997; nơi cư trú: 659 B, phường T1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 2003; nơi cư trú: phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Khánh T2, sinh năm 2001; nơi cư trú: 22 N, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 02/4/2024, tại quán Beer xxx thuộc phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đức T đã tổ chức sinh nhật cho bạn gái là Mai Thị L. Dự sinh nhật có Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ, Đỗ Quang V1, Nguyễn Ngọc H4, Nguyễn Thị Khánh T2, Hoàng Thị Như Q, Cao Văn M và người đàn ông tên L3. Tại đây, Mai Thị L nói với Lê Đức T là sau khi ăn uống xong, L mời tất cả mọi người về nhà L tại thị trấn T, huyện Q chơi "đồ" (tức ma túy), T đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong, T tiếp tục mời mọi người đến quán Bar xx (VINCOM) để uống rượu và nghe nhạc. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, T thanh toán tiền, sau đó mọi người ra về. Khi tất cả đang đứng ở cổng Bar xx thì L mời cả nhóm về nhà L để chơi "đồ" (tức là sử dụng ma túy), mọi người đồng ý. Lúc này, H bảo V1 điều khiển xe máy của Q chở Đ về nhà, rồi mang xe về nhà Q cất, H sẽ đến đón V1 rồi cùng đi xuống nhà L. Sau đó, L đi cùng ô tô với Lê Thị P (là bạn gần nhà L, gặp nhau ở trong quán bar) đến khách sạn M để lấy quần áo của P rồi cùng đi về nhà L. Lúc này H4 lái xe ô tô chở T, M, L3, còn H lái xe ô tô chở Bá A, T2, Q rồi đón V1 và Đ (Đ về nhà không có chìa khóa vào nhà nên H đón đi cùng) đến nhà L. Do L đang đi đến khách sạn M cùng P nên L gọi điện thoại cho mẹ là bà Đặng Thị H1 ra mở cửa cho H4, T, M, L3 vào nhà và đi lên phòng của L ở tầng 2. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/4/2024, L và P về đến nhà. Lúc này nhóm H, Bá A, Đ, V1, T2, Q cùng vừa đến nơi, thì tất cả mọi người lên phòng của L ở tầng 2. Được 10 phút thì anh Mai Đình B (là chồng P) sang nhà L tìm P và bảo P về thì L nói với B hôm nay là sinh nhật L, nên muốn vợ chồng B ở lại chơi "đồ" (tức sử dụng ma túy). B không đồng ý nên đã cãi nhau với P và kéo P về nhà. Sau khi B và P ra về, T nói với Bá A, Đ đi xuống kiểm tra và đóng cửa lại, nhằm đảm bảo an toàn cho việc sử dụng ma túy. Lúc này Bá A, Đ đi xuống tầng 1 đóng cửa sổ, khóa chốt, kéo rèm và khóa cửa chính rồi lên phòng ngủ của L. Tại phòng ngủ, L mở tủ quần áo lấy ra 02 (hai) túi "nước vui" và 01 gói Ketamine. L đổ 02 gói nước vui vào bát tô rồi lấy 02 lon bò húc đổ vào pha cùng rồi đặt thêm 01 cái thìa inox vào bát, để lên bàn cho mọi người trong phòng sử dụng. Sau đó, L tiếp tục lấy 01 túi Ketamine đổ vào đĩa sứ có sẵn cùng 01 thẻ nhựa và 02 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh

giá 10.000VNĐ và 20.000VNĐ để lên bàn cho mọi người dùng hít vào sử dụng. Sau đó, L dùng thìa Inox múc 01 thìa nước vui uống và hít 01 đường Ketamine rồi lên giường nằm nghe nhạc. Tiếp đến T lại tự múc nước vui uống và hít 02 đường ke. Đến lượt H cũng tự múc nước vui uống, còn Đ tự nâng đĩa ke hít vào sử dụng. Khi thấy Đ sử dụng Ketamine, V1 nháy mắt nên Đ đã đẩy đĩa ketamine lại cho V1 để V1 tự nâng lên hít 01 đường.

Khoảng 02 giờ 58 phút ngày 03/4/2024, thì T nghe ai nói là bóng đến (tức bình khí cười) thì T bảo Bá A, H, Đ xuống để đón xe và đưa bình bóng cười lên phòng. Bá A cầm chìa khóa mở cửa ngõ cho xe ô tô tải màu trắng, BKS 29C-823.10 đi vào và ngồi ngoài cổng quan sát xem có ai theo dõi không. Khi xe tải đi vào sân thì có 02 người nam thanh niên trên xe xuống bê bình bóng cười từ xe tải xuống rồi mang lên tầng 2. Sau đó, H và Đ bê bình khí cười vào phòng ngủ của L để mọi người sử dụng. Bá A ngồi chờ xe ô tô tải ra khỏi cổng thì khóa cửa lên phòng trên tầng 2 gần phòng ngủ của L cùng T2 ngủ. Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 03/4/2024 thì M và L3 ra về trước, L và bạn bè tiếp tục thay nhau sử dụng ma túy và ngủ tại phòng ngủ của L. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/4/2024, tổ công tác Công an tỉnh Thanh Hóa chủ trì phối hợp với Công an thị trấn T và Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào nhà L kiểm tra, phát hiện các đối tượng L, T, H, Bá A, Đ, V1, Q, T2 có biểu hiện nghi vấn tổ chức sử dụng ma túy nên tiến hành lập biên bản vụ việc và thu giữ: Số chất bột màu trắng trên bề mặt đĩa sứ màu trắng được cho vào 01 túi nilon kích thước khoảng (5x5)cm; 01 đĩa sứ màu trắng bề mặt bám dính tinh thể màu trắng; 02 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000đ và 20.000đ; 01 thẻ nhựa màu xanh của ngân hàng VIB (tất cả được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M1); chất lỏng màu vàng trong bát sứ màu trắng được cho vào 01 chai nhựa; 01 bát sứ màu trắng đường kính khoảng 20cm; 01 thìa kim loại (tất cả được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M4).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Mai Thị L Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa thu giữ:

- 01 túi nilon màu xanh có kích thước khoảng (10x5)cm bên trong chứa chất bột màu vàng; 01 túi nilon màu đỏ có kích thước khoảng (10x5)cm bên trong chứa chất bột màu vàng; 01 túi nilon màu trắng có kích thước (8x4)cm bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng ở tủ quần áo trong phòng ngủ của Mai Thị L (được niêm phong ký hiệu M2).

- 03 túi nilon màu xanh đều có kích thước (10x5)cm bên trong mỗi túi đều chứa chất bột màu vàng; 01 túi nilon màu trắng có kích thước (7x4)cm bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng ở tủ quần áo trong phòng ngủ của Mai Thị L (được niêm phong ký hiệu M3).

- 01 đèn chớp màu trắng; 01 loa màu trắng trên bề mặt có in nhãn hiệu Marshall thu giữ trong phòng ngủ tầng 2 của Mai Thị L;

- 03 camera màu trắng nhãn hiệu Imou thu tại phòng khách, bếp và sân nhà Mai Thị L.

Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ đã xin đầu thú và giao nộp điện thoại của mình để phục vụ công tác điều tra bao gồm: 05 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màn hình cảm ứng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, màu đen, tất cả đã qua sử dụng.

Tại kết luận số 1450/KL-KTHS ngày 10/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Hộp giấy ký hiệu M4:

+ Tìm thấy chất ma túy MDMA, Methaphetamine trong chất lỏng màu vàng chứa trong chai nhựa.

- Hộp giấy ký hiệu M1:

+ Chất tinh thể màu trắng chứa trong túi nilon màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 0,307g loại Ketamine.

- Phong bì ký hiệu M2:

+ Chất bột màu vàng chứa bên trong túi nilon màu xanh là ma túy, có tổng khối lượng 7,221g loại MDMA, Methamphetamine.

+ Chất bột màu vàng chứa bên trong túi nilon màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 7,049g loại MDMA.

+ Chất tinh thể màu trắng chứa trong túi nilon màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 10,025g loại Ketamine.

- Phong bì ký hiệu M3:

+ Chất bột màu vàng chứa bên trong 03 túi nilon màu xanh là ma túy, có tổng khối lượng 20,649g loại MDMA, Methamphetamine.

+ Chất tinh thể màu trắng chứa trong túi nilon màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 3,630g loại Ketamine.

Tại kết luận số 1499/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

+ Tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA, Methamphetamine, Ketamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Đỗ Quang V1, Nguyễn Ngọc H4, Lê Quốc Đ.

+ Không tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA, Methamphetamine, Ketamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Bá A, Nguyễn Thị Khánh T2, Hoàng Thị Như Q.

Về nguồn gốc số ma túy trên Mai Thị L khai nhận khoảng 2 tháng trước (tính đến ngày 03/4/2024), khi đang ở Hà Nội, L đến một quán Bar ở Hà Nội (L không nhớ tên quán Bar) chơi thì gặp người đàn ông giới thiệu tên N (L không biết tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể), khoảng 40 tuổi, cao 1m65, dáng người béo (do trời tối nên L không nhìn rõ khuôn mặt). L hỏi mua 07 túi "nước vui" và 03 chỉ Ketamine, N đồng ý và báo giá 22.000.000 đồng. L đứng ở góc của quán bar đợi khoảng 15 phút thì người này quay lại giao 01 túi ni lon màu đen bên trong có 07

túi "nước vui" và 03 chỉ Ketamine cho L. L cầm lấy rồi đưa 22.000.000 đồng cho người này. Sau đó, L mang theo số ma túy này đi về nhà mẹ đẻ tại số nhà 62/6 đường T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cất giấu vào tủ quần áo phòng ngủ của L để sử dụng dần. Đến ngày 03/4/2024, L mời bạn bè gồm: T, H, Bá A, Đ, Q, T2, M, L, V1, H4 về nhà L để sử dụng ma túy nên L đã lấy 02 gói "nước vui" và 01 túi Ketamine ra để mời mọi người sử dụng.

Trong vụ án này trước khi các đối tượng sử dụng chất ma túy thì Lê Đức T đã nói với Lê Quốc Đ là không được sử dụng ma túy. Do đó sau khi đóng cửa chính, cửa sổ, kéo rèm thì Đ lên tầng 2 sang phòng bên cạnh phòng của L nằm nghỉ, chơi game điện thoại. Khi các đối tượng sau khi sử dụng ma túy đang phê nằm nghe nhạc thì Đ nghe tiếng nhạc và tò mò nên đứng dậy đi sang phòng L thì thấy mọi người đang phê và "nước vui" và ketamine để trên bàn nên Đ tự ý lại lấy sử dụng. Lúc này không ai biết Đ tự ý sử dụng ma túy và cũng không ai lôi kéo hay giúp Đ sử dụng ma túy. Vì vậy mặc dù Đ là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Bá A không phải chịu tình tiết định khung "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSTH-P1 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Mai Thị L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự (BLHS); Lê Đức T, Nguyễn Bá A về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 BLHS; Lê Đức H, Lê Quốc Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm kết tội đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55 BLHS, xử phạt Mai Thị L từ 10(mười) năm đến 10(mười) năm 06(sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", từ 07(bảy) năm 06(sáu) tháng đến 08(tám) năm 06(sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung đối với hai tội từ 17(mười bảy) năm 06(sáu) tháng đến 18(mười tám) năm 06(sáu) tháng tù; áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 08(tám) năm 06(sáu) tháng đến 09(chín) năm 06(sáu) tháng tù, bị cáo Nguyễn Bá A từ 07(bảy) năm 03(ba) tháng đến 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 07(bảy) năm đến 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, khoản 2 Điều

54, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Quốc Đ từ 04(bốn) năm đến 05(năm) năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định, các vật chứng không có giá trị sử dụng; tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền cuộn làm ống hút để sử dụng ma túy, trả lại những điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc Đ cơ bản thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người chưa thành niên, thực hiện hành vi phạm tội chỉ là người đồng phạm giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố đã chết, mẹ ốm đau bệnh tật để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Bá A và Lê Quốc Đ thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, bị cáo Lê Quốc Đ thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: biên bản sự việc; đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản khám xét; kết luận giám định… cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 02 giờ ngày 03/4/2024, tại phòng ngủ của Mai Thị L ở tầng 2 số nhà 62/6 đường T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Mai Thị L đã lấy 02 túi "nước vui" chứa ma túy tổng hợp MDMA, Methaphetamine pha với 02 lon bò húc vào 01 bát sứ và bỏ thìa vào bát rồi để lên bàn. Sau đó L tiếp tục lấy 01 túi ketamine đổ vào đĩa sứ có sẵn, cùng 01 thẻ nhựa ngân hàng, 02 ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng và 20.000 đồng cũng để lên bàn cho mọi người sử dụng. Lần lượt Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Ngọc H4, Lê Quốc Đ, Đỗ Quang V1 đều sử dụng "nước vui" và ketamine. Trong quá trình sử dụng Lê Quốc Đ đã đưa đĩa ketamine cho Đỗ Quang V1 sử dụng. Trước khi sử dụng chất ma túy Lê Đức T đã phân công Nguyễn Bá A và Lê Quốc Đ khóa cửa cổng, cửa nhà, chốt cửa sổ, kéo rèm để tránh bị cơ quan chức năng phát

hiện. Đến 02 giờ 58 phút ngày 03/4/2024 để tạo thêm hưng phấn và kích thích khi sử dụng chất ma túy Lê Đức T đã phân công Lê Đức H, Nguyễn Bá A và Lê Quốc Đ ra mở cửa đón xe chở bình khí cười đến rồi bê bình khí cười lên phòng cho mọi người sử dụng.

Ngoài ra Mai Thị L còn cất giấu 39,881g MDMA hoặc 39,881 Methaphetamine hoặc 119,946g Ketamine trong phòng ngủ của mình để sử dụng nên giữ vai trò độc lập.

Hành vi nêu trên của bị cáo Mai Thị L đã phạm vào tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Lê Đức T, Nguyễn Bá A đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 BLHS; Lê Đức H, Lê Quốc Đ đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Đây là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân.

Xét nhân thân: Bị cáo Mai Thị L, Lê Quốc Đ là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Bá A, Lê Đức H là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử hoặc xử phạt vi phạm hành chính ít nhất từ một lần đến nhiều lần. Bị cáo Lê Đức T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lần này lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, bị cáo Nguyễn Bá A đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm", là tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 BLHS.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào và đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo, đầu thú.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, HĐXX thấy cần phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để lên cho mỗi bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Đối với bị cáo Mai Thị L: Là người khởi xướng, sau đó dùng nơi ở, cung cấp chất ma túy, dụng cụ cho mọi người sử dụng chất ma túy nên giữ vai trò thứ

nhất. Ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo L còn tàng trữ trái phép 39,881g MDMA hoặc 39,881 Methaphetamine hoặc 119,946g Ketamine trong phòng ngủ của mình để sử dụng, nên bị cáo phạm hai tội. Hành vi phạm tội của bị cáo L là rất nghiêm trọng.

Bị cáo Lê Đức T: Là người thực hành tích cực, phân công Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ đóng mở cửa, kéo rèm, bê bình khí cười phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Hành vi của T đồng phạm giúp sức tích cực nên giữ vai trò thứ hai sau L. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị xét xử về tội "Cướp giật tài sản"; 03 lần bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính đều về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe người khác". Bị cáo có 02 tiền án về tội "Gây rối trật tự công cộng" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ thực hiện hành vi khi được phân công là đồng phạm giúp sức nên giữ vai trò ngang nhau thứ ba trong vụ án. Trong đó bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Bá A đều có nhân thân xấu, bị cáo Lê Đức H đã 01 lần bị xét xử về tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo Nguyễn Bá A có 02 tiền án đều về tội "Cố ý gây thương tích", lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Lê Quốc Đ phạm tội lần đầu, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

Do đó, HĐXX thấy cần phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với tất cả các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân tốt cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, bị cáo L đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo Đ là người chưa thành niên phạm tội, nên cũng cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Trong đó, bị cáo T, bị cáo L phải chịu mức án cao nhất, tiếp theo là bị cáo Bá A, bị cáo H. Riêng bị cáo Đ khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, chỉ là người đồng phạm giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án, có nhân thân tốt, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS và những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Sau khi xem xét, cân nhắc, HĐXX thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, vì các bị cáo đều là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo L đang nuôi con nhỏ, bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội.

[3] Về vật chứng: Toàn bộ số ma túy đã thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Hai tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng được cuộn làm ống hút để sử dụng ma túy cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước, điện thoại của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại là phù hợp.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của BLTTHS.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55 BLHS đối với bị cáo Mai Thị L;

Căn cứ vào điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Bá A;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Đức H;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, khoản 2 Điều 54, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Quốc Đ:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", Lê Đức T, Nguyễn Bá A, Lê Đức H, Lê Quốc Đ phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: + Bị cáo Mai Thị L **10**(mười) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", **07**(bảy) năm **06**(sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **17**(mười bảy) năm **06**(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06/4/2024.

+ Bị cáo Lê Đức T **08**(tám) năm **06**(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 08/4/2024.

+ Bị cáo Nguyễn Bá A **07**(bảy) năm **03**(ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 08/4/2024.

+ Bị cáo Lê Đức H **07**(bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 08/4/2024.

+ Bị cáo Lê Quốc Đ **04**(bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 08/4/2024.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp giấy có kích thước (28x34x10)cm được dán kín, niêm phong ký hiệu T1, xung quanh có các chữ ký chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh T, Nguyễn Quang H và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa. (Kèm KLGĐ số 1450/KL-KTHS ngày 10/4/2024); trừ 02 (hai) tờ tiền VNĐ (01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng) được cuộn làm ống hút để sử dụng ma túy bỏ bên trong hộp giấy;

- 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong ký hiệu T2, mặt trước ghi: "Phòng CSMT (PC 04) TC992 ngày 05/4/2024". Mặt sau có các chữ ký chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh T, Nguyễn Quang H và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa. (Kèm KLGĐ số 1450/KL-KTHS ngày 10/4/2024);

- 03 (ba) camera màu trắng nhãn hiệu Imou, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đèn chớp màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) loa màu trắng trên bề mặt có in nhãn hiệu Marshall, đã qua sử dụng.

* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 02 (hai) tờ tiền VNĐ (01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng) được cuộn làm ống hút để sử dụng ma túy.

* Trả lại tài sản:

- Trả lại cho bị cáo Mai Thị L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Lê Đức T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, màu đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Lê Đức H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá A: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Lê Quốc Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 208/2024/TV-CTHADS ngày 05/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Thanh Hóa với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: các bị cáo Mai Thị L, Lê Đức T, Lê Đức H, Nguyễn Bá A, Lê Quốc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 BLTTHS: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HS vụ án; Tổ HC-TP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến